

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN Ô MÔN  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 01 - 2023

Về việc “Tranh chấp ly hôn,  
nuôi con”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Trần Thanh Thế.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Trãi.

2. Bà Phạm Thị Bích Vân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị H**, sinh năm 1982. *(có mặt)*

Địa chỉ: Ấp C, xã X, huyện Đ, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Anh **Phan Văn Tám N**, sinh năm 1979. *(vắng mặt)*

Địa chỉ: Khu vực T, phường A, quận M, thành phố Cần Thơ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện ngày 25/7/2022, nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:**

Năm 2007, do quen biết nên chị và anh Phan Văn Tám N đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thới Xuân, huyện Cờ Đỏ vào ngày 12/01/2012. Vợ chồng chung sống hạnh phúc từ khi cưới đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh N có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, sau khi phát

hiện sự việc chị đã tha thứ cho anh N nhưng kể từ đó mâu thuẫn vợ chồng cứ kéo dài, anh N không lo tiền nuôi con, trong thời gian chị mang thai thì anh N không quan tâm khiến chị tổn thương. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Đức D (nam, sinh ngày 01/02/2012) và Bùi Ngọc Quý V (nữ, sinh ngày 16/6/2021). Chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu D và cháu V đến trưởng thành, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

*Quá trình giải quyết vụ án*, anh N nhiều lần vắng mặt không có lý do. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử công khai.

*Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn chị Bùi Thị H yêu cầu ly hôn với anh N; yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung tên Phan Đức D (nam, sinh ngày 01/02/2012) và Bùi Ngọc Quý V (nữ, sinh ngày 16/6/2021) đến trưởng thành, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn anh Phan Văn Tám N vắng mặt không có lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Bùi Thị H và anh Phan Văn Tám N tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn, chị H khởi kiện ly hôn và yêu cầu giải quyết vấn đề nuôi dưỡng con chưa thành niên. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Phan Văn Tám N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Chị H và anh N là vợ chồng chung sống từ năm 2007, đến năm 2012 thì đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ chồng chung sống hạnh phúc từ khi cưới đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn.

Tại phiên tòa, chị H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2017 do anh N có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị đã bỏ qua mọi chuyện để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, đến năm 2020, khi chị đang mang thai thì vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn do vấn đề tiền bạc, anh N không quan tâm vợ con, không có trách nhiệm với gia đình nên chị và anh N đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Trong thời gian ly thân, thỉnh thoảng anh N có tới thăm con nhưng vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, đến khi chị nộp đơn ly hôn thì anh N có chủ động hàn gắn với chị nhưng chị không đồng ý. Nay tình cảm vợ chồng đã không còn, chị xác định không thể tiếp tục chung sống với anh N nên chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập anh N đúng trình tự luật định để tham gia tố tụng tại tòa và có ý kiến đối với hôn nhân của anh chị nhưng phía anh N nhiều lần vắng mặt không lý do. Xét thấy, cho đến nay mâu thuẫn giữa chị H và anh N không giải quyết được, chị H khẳng định không thể tiếp tục chung sống với anh N. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa các đương sự đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh N là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị H và anh N có 02 con chung là cháu Phan Đức D (nam, sinh ngày 01/02/2012) và cháu Bùi Ngọc Quý V (nữ, sinh ngày 16/6/2021). Chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu D và cháu V đến trưởng thành, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện cháu D và cháu V đang sống chung với chị H. Cháu D có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ, cháu V thì chưa đủ 36 tháng tuổi. Do đó, cần ổn định cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D và cháu V đến trưởng thành là phù hợp quy định tại Khoản 2 và 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được ngăn cản anh N thực hiện quyền này.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Tại phiên tòa, chị H không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều:

- Điều 28, 35, 147, 227, 228, 266 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Phan Văn Tám N.

- Về con chung: Giao cháu Phan Đức D (nam, sinh ngày 01/02/2012) và cháu Bùi Ngọc Quý V (nữ, sinh ngày 16/6/2021) cho chị Bùi Thị H nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh Phan Văn Tám N không cấp dưỡng nuôi con.

Anh N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được ngăn cản anh N thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

**Về án phí dân sự sơ thẩm:** Chị Bùi Thị H phải nộp số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Chuyển số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003592 ngày 01/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ thành án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- UBND X.Thới Xuân, H. Cờ Đỏ;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***(Đã ký)***

**Bùi Trần Thanh Thế**